

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-03-2020
V/v ly hôn giữa bà C và ông Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh
2. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Số 729/1 ấp B, xã B, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Số 73/36 đường T, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc C trình bày:

Bà và ông Trần Hữu Đ quen biết và chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13/1/2014. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn

nguyên nhân do ông Đ không quan tâm chăm sóc gia đình, không đóng góp tiền phụ bà nuôi con. Từ đó, vợ chồng phát sinh cãi vã, hai người không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, bà không còn hạnh phúc khi chung sống với ông Đ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, bà và ông Đ ly thân vào cuối năm 2016. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Thảo A, sinh ngày: 29/8/2014 và Trần Ngọc Diệp A, sinh ngày: 03/6/2017, hiện Thảo A và Diệp A đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Hữu Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ngày 23 tháng 03 năm 2020, bà Trần Thị Ngọc C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Đ, và yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa bà C và ông Đ là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà C kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Đ nhưng ông Đ vắng mặt, không có trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà C, ông Đ không thiết tha hàn gắn tình cảm với bà C. Mâu thuẫn giữa bà C và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Ngọc C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hữu Đ. Ông Đ có địa chỉ cư trú ở Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc C và ông Trần Hữu Đ tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 01 năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, bà C và ông Đ chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông Đ không quan tâm, thương yêu bà C, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cả hai đã ly thân cuối năm 2016 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, ông Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ thể hiện việc bà C xin ly hôn nhưng ông Đ không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ với bà C. Điều đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C đối với ông Đ.

[4] Về con chung: Bà C yêu cầu được nuôi 02 con chung chưa thành niên tên Trần Ngọc Thảo A, sinh ngày: 29/8/2014 và Trần Ngọc Diệp A, sinh ngày: 03/6/2017, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Xét thấy 02 cháu Thảo A và Diệp A hiện bà C nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến nay, được chăm sóc chu đáo, ông Đ vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu nuôi con chung. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của cháu Thảo A và Diệp A nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà C. Tiếp tục giao cháu Thảo Anh và Diệp Anh cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà C là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc C đối với ông Trần Hữu Đ.

Bà Trần Thị Ngọc C được ly hôn với ông Trần Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Ngọc Thảo A, sinh ngày: 29/8/2014 và Trần Ngọc Diệp A, sinh ngày: 03/6/2017 cho bà Trần Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc C chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004023 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND Phường 4, TP T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng